TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST Ngày 30- 8- 2023 V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân*:* Ông Nguyễn Văn Tấn và bà Lê Thị Xuân.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc "Chia tài sản sau khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 02/8/2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hợp, sinh năm 1970 (Có mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Công Thiệp, sinh năm 1968 (Có mặt);

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Đắc Chiến, sinh năm 1977 và chị Lê Thị Hải, sinh năm 1981 (Có mặt);

Cùng HKTT: Thôn Thượng, xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1976 (Có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Việc, sinh năm 1971 (Có mặt);

3. Bà Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1975 (Có mặt);

4. Anh Nguyễn Công Phương, sinh năm 1994 (Có mặt);

5. Anh Nguyễn Công Nam, sinh năm 1995 (Có mặt);

Cùng trú tại: Thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

6. Ông Nguyễn Đức Tình, sinh năm 1968; HKTT: Thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt);

7. UBND huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đại Đồng, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Tiên Du.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Lương, chức vụ: Phó trưởng phòng TN và MT huyện Tiên Du (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hợp trình bày:*

Bà và ông Thiệp kết hôn từ năm 1990, có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau đến năm 2022 tại nhà ông Thiệp. Đến năm 2022 hai ông bà đã được Tòa án nhân dân huyện Tiên Du giải quyết ly hôn tại bản án số 19 ngày 22/6/2022. Trong quá trình giải quyết vụ án hai ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ. Đến nay bà và ông Thiệp không thỏa thuận được về vấn đề chia tài sản chung nên bà đã khởi kiện ông Thiệp đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản sau khi ly hôn. Bà cho rằng quá trình chung sống thì hai ông bà có tạo lập được khối tài sản chung bao gồm: Thửa đất số 112, tờ bản đồ số 2, diện tích 439 m^2 tại thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 mang tên chủ hộ là bà Nguyễn Thị Tát (gọi tắt là thửa đất số 112).

Hiện thửa đất này bà Tát một phần cho con gái Nguyễn Thị Việc, là thửa đất 1062, tờ bản đồ số 13, diện tích 70 m^2, trên phần đất cho chị Việc thì có xây dựng nhà cấp 4 lợp tôn; một phần cho con gái Nguyễn Thị Cúc, là thửa đất 1063, tờ bản đồ số 13, diện tích 70 m^2, trên đất chị Cúc xây dựng 01 căn nhà 02 tầng xây dựng năm 2019. Phần đất còn lại đứng tên của bà Nguyễn Thị Tát, trên phần đất này các cô con gái đang sử dụng để trồng rau, làm khu phụ, là thửa đất số 1069, tờ bản đồ số 13, diện tích 198 m^2. Cả 3 thửa đất của chị Cúc, chị Việc, bà Tát được Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019.

Một phần thửa đất có diện tích 74 m^2, anh Nguyễn Đắc Chiến có nói đây là diện tích đất mà gia đình anh Chiến đã mua và định phá tường xây dựng nhà ở nhưng bà

không đồng ý (Trên phần đất 74 m^2 có 1 phần bà xây dựng nhà cấp 4 làm khu chăn nuôi). Bà biết đây là phần diện tích đất bà Tát đã cho cháu là Nguyễn Công Nam là con trai của bà và ông Thiệp. Do thời điểm cháu Phương là con của bà và ông Thiệp làm ăn thua lỗ đã cầm cố, bán thửa đất số 111, diện tích 372 m^2 của gia đình bà và ông Thiệp, sợ mẹ con bà không có chỗ ở nên bà Tát đã tặng cho cháu Nam. Sau này cháu Nam đã chuyển nhượng cho nhiều người, đến nay được biết anh Chiến chị Hải là người đứng tên.

Về nguồn gốc thửa đất 112 đang đứng tên bà Nguyễn Thị Tát, ban đầu là 02 cái ao của hợp tác xã. Năm 1992, để đổi được lấy 02 cái ao diện tích 439 m^2 thì bà và ông Thiệp phải đổi 107 m^2 diện tích đất nông nghiệp là ruộng phần trăm (xứ Đồng 5 tấn), khi chia ruộng phần trăm mỗi khẩu được 84 m^2, hai ông bà có 02 khẩu là bà và ông Thiệp được 168 m^2. Bà Tát và các cô con gái đều có ruộng đất nông nghiệp phần trăm nhưng không đổi để lấy ao mà chỉ có vợ chồng bà bị trừ. Việc ông Thiệp trình bày là ông Thiệp và bà Hợp chỉ có 321 m^2 đất ao, còn 118 m^2 là của bà Tát là không đúng do bà Tát không đổi ruộng phần trăm.

Bà và gia đình cùng ở với bà Tát ở trên thửa đất 111, tờ bản đồ 02, diện tích 372 m^2 (gọi tắt là thửa số 111), bên cạnh thửa đất 112, do các cụ để lại, thửa đất đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Công Thiệp, sau đó ông Thiệp chuyển nhượng cho con là Nguyễn Công Phương, để làm ăn vay ngân hàng cả gia đình bà đã ký và đồng ý sang tên cho cháu Phương. Bà Tát ở cùng các cô con gái từ sau năm 1992 trên thửa đất số 112, còn gia đình bà và ông Thiệp ở trên thửa đất số 111, diện tích 372 m^2. Bà Tát mất thì ở trên thửa đất số 112 cùng con gái. Việc bà và ông Thiệp được ở trên thửa đất diện tích 372 m^2 và bà Tát được đứng tên toàn bộ thửa đất 112 thì giữa ông Thiệp, bà và bà Tát không có văn bản thỏa thuận gì về việc đổi đất.

Trên thửa đất số 111 có 01 căn nhà 02 tầng, 01 tum do 2 ông bà xây dựng vào năm 2003. Các con là Nguyễn Công Phương và Nguyễn Công Nam lúc đó còn nhỏ không có công sức đóng góp gì. Từ đó đến nay không xây dựng thêm gì, thửa đất và căn nhà thì hiện nay bà và các con đang ở và sử dụng mặc dù cháu Phương đã bán. Trên thửa đất 112 có tài sản là nhà đất của chị Việc, chị Cúc. Ngoài ra có 01 phần khu chăn nuôi, chuồng lợn của gia đình bà đã cũ nằm trên 1 phần đất hiện nay đứng tên anh Chiến, chị Hải và 1 phần nằm trên đất của bà Tát.

Về công nợ: Bà yêu cầu ông Thiệp phải cùng bà trả ½ số tiền 120.000.000 đồng ông bà có vay của anh Nguyễn Công Đoán, sinh năm 1976; quá trình giải quyết vụ án bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần công nợ trên.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Chia tài sản sau khi ly hôn là thửa đất số 112, tờ bản đồ số 02, diện tích 439 m^2 mang tên bà Nguyễn Thị Tát.

2. Đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 112 tờ bản đồ số 02, diện tích 439 m^2 mang tên bà Nguyễn Thị Tát được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000. Hiện nay là các thửa đất 1062, tờ bản đồ số 13, diện tích 70 m^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019 mang tên chị Nguyễn Thị Việc; thửa đất 1063, tờ bản đồ số 13, diện tích 70 m^2 mang tên chị Nguyễn Thị Cúc; thửa đất số 1069, tờ bản đồ số 13, diện tích 198 m^2 được Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019 mang tên bà Nguyễn Thị Tát; thửa đất số 1070, tờ bản đồ số 13, diện tích 74 m^2 hiện nay mang tên anh Nguyễn Đắc Chiến và chị Lê Thị Hải. Đồng thời huỷ 04 giấy chứng nhận nêu trên.

Đối với phần diện tích 15 m^2 là phần khu chăn nuôi, chuồng lợn xây dựng sang thửa đất mang tên bà Nguyễn Thị Tát và 23 m^2 phần khu chăn nuôim chuồng lợn xây dựng trên thửa đất mang tên anh Nguyễn Đắc Chiến và chị Nguyễn Thị Hải, do đây là thửa đất mà bà và ông Thiệp lúc trước đổi ruộng lấy đất ao, sau đó tân tạo thành thửa đất có hiện trạng như hiện nay là tài sản chung của ông bà, việc UBND huyện Tiên Du cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị Tát năm 2000 là không đúng đối tượng. Do đây tài sản chung của hai ông bà, bà có quyền xây dựng, đối với các phần diện tích khu chăn nuôi, chuồng lợn trên thì bà sẽ không tháo dỡ, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Tại phiên toà bà Hợp xin thay đổi đối với khu phụ, chuồng lợn bà không có ý kiến yêu cầu gì với các đương sự và đối với yêu cầu buộc ông Thiệp cùng phải trả số tiền vay ông Đoán 120.000.000 đồng, bà giữ nguyên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Việc vợ chồng anh Chiến và chị Hải khởi kiện đối với bà là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du bác toàn bộ đơn khởi kiện đối với yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Đắc Chiến và chị Lê Thị Hải.

Ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu gì khác.

** Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Công Thiệp trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Hợp là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 1990. Đến năm 2022 hai ông bà đã được Tòa án nhân dân huyện Tiên Du giải quyết cho ly hôn tại bản án số 19/2022/HNGĐ ngày 22/6/2022. Trong quá trình giải quyết vụ án giữa ông và bà Hợp không yêu cầu Tòa án xem xét về tài sản chung và công nợ; ông bà tự thỏa

thuận với nhau. Đến nay bà Hợp làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du chia tài sản sau khi ly hôn ông không đồng ý vì thửa đất số 112, tờ bản đồ số 2, diện tích 439 m^2 được UBND huyện Tiên Du cấp Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất cho mẹ đẻ của ông là bà Nguyễn Thị Tát.

Ông Thiệp trình bày về nguồn gốc thửa đất 112: Trước đây bố mẹ ông được chính quyền địa phương cấp 372 m^2 đất ở sau này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông là thửa số 111 và Hợp tác xã giao quản lý sử dụng 02 chiếc ao liền kề với thửa đất số 111 của bố mẹ ông. Năm 1985 bố ông chết, mẹ ông đứng tên thửa đất này và tiếp tục quản lý sử dụng 02 chiếc ao trên. Năm 1990, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Hợp, thời gian đầu thì sống chung với mẹ ông. Đến năm 1992, ông và bà Hợp có làm 3 gian nhà cấp 4 diện tích 28 m^2 ra ở riêng, còn mẹ ông và các em ông vẫn ở nhà cũ nhưng vẫn chung thửa đất một thời gian. Sau đó thì bà Tát và các em ông đổ đất, làm nhà ở trên thửa đất 112 từ khoảng năm 1993 cho đến nay.

Cuối năm 1992 thực hiện chủ trương của Hợp tác xã được hoán đổi từ đất ruộng phần trăm lấy đất ao cải tạo làm đất ở. Ông và bà Tát phải đổi đất phần trăm để được 321 m^2 đất ao, sau đó ông đề nghị mẹ ông cho ông đứng tên và sử dụng thửa đất số 111 của bố mẹ ông, còn bà Tát xuống ở thửa diện tích 321 m^2, việc vợ chồng ông ở đâu là do bà Tát và nội bộ gia đình ông thống nhất, chỉ bằng miệng và không lập bất kỳ giấy tờ gì, tuy nhiên cả ông và bà Hợp đều thống nhất và đồng ý. Năm 2003 ông và bà Hợp có xây dựng 01 căn nhà mái bằng 02 tầng và 01 tum, tổng diện tích 215 m^2 trên thửa đất 372 m^2, lúc đó các con của ông là Nguyễn Công Phương và Nguyễn Công Nam còn nhỏ không có đóng góp công sức gì. Năm 2017, con trai là Nguyễn Công Phương có nói với ông là thế chấp cả mảnh đất và căn nhà để vay vốn làm ăn và bảo ông ký vào các giấy tờ, tuy nhiên do ông không biết chữ nên không biết đó là những giấy tờ gì. Ông cùng các thành viên trong gia đình đều phải ký vào giấy tờ. Nay ông được biết mảnh đất đó đã được chuyển nhượng và sang tên cho con trai ông là Nguyễn Công Phương, sau này Phương đã chơi bời và bán, hiện nay không còn đứng tên Phương.

Năm 2000, mẹ ông được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa số 112, tờ bản đồ số 2, diện tích 439 m^2, gồm có đất của ông và bà Tát đổi và đất vườn của bố mẹ để lại. Hiện nay trên thửa đất này bà Tát có chia cho em gái ông là chị Nguyễn Thị Việc, là thửa đất 1062, tờ bản đồ số 13, diện tích 70 m^2 trên phần đất có xây dựng 01 nhà cấp 4 lợp tôn; một phần cho em gái ông là chị Nguyễn Thị Cúc, là thửa đất 1063, tờ bản đồ số 13, diện tích 70 m^2, trên đất chị Cúc xây dựng 01 căn nhà 02 tầng xây dựng năm 2019; đến nay các thửa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019.

Một phần đất diện tích 74 m^2, bà Tát đã cho con trai của ông là Nguyễn Công Nam, sau đó anh Nam bán mảnh đất trên cho ai thì ông không được biết, nay ông được biết đã bán cho nhiều người và hiện nay mang tên anh Chiến, chị Hải. Do khi cháu Phương làm ăn thua lỗ sợ không có chỗ ở nên bà Tát đã cho cháu Nam đứng tên 74 m^2 để cả gia đình có chỗ ở.

Phần đất còn lại của bà Tát thì các em gái ông đang sử dụng để trồng rau, làm khu phụ là thửa đất số 1069, tờ bản đồ số 13, diện tích 198 m^2 được Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019 mang tên bà Tát.

Anh đã được Toà án thông báo cho biết kết quả đo đạc, 1 phần ngôi nhà của chị Cúc, chị Việc, phần phía Đông nằm ngoài ranh giới được cấp quyền sử dụng, nằm trên phần đất của bà Tát. Công trình phụ, bếp nằm trên thửa đất 1069 mang tên bà Tát. Anh là hàng thừa kế của bà Tát không có ý kiến gì. Đối với 1 phần chuồng lợn, khu chăn nuôi nằm trên đất bà Tát anh đề nghị chị Hợp phải tháo dỡ, anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Nay bà Hợp không có ý kiến yêu cầu gì anh nhất trí, bà Hợp phải tháo dỡ.

Đến nay chị Hợp có đơn yêu cầu Tòa chia ½ thửa đất số 112 cho chị Hợp là không có căn cứ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du bác đơn khởi kiện của chị Hợp.

Ngoài ra anh không có ý kiến yêu cầu gì khác.

** Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Lê Đắc Chiến, chị Hải trình bày:*

Anh và chị Lê Thị Hải, sinh năm 1981 có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã Cảnh Hưng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống thì vợ chồng anh có được nhu cầu mua đất để xây dựng làm nhà ở và có được biết chị Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1980; HKTT: Thôn Văn Phong, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, có thửa đất số 1070, tờ bản đồ 13, diện tích 74 m^2 tại thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh có nhu cầu bán. Khi thỏa thuận mua bán thì thửa đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Nguyễn Thị Liên. Do đó ngày 13/12/2022 anh cùng chị Hải và chị Nguyễn Thị Liên có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên tại Văn phòng công chứng Hùng Vương, tỉnh Bắc Ninh và hợp đồng được công chứng, chứng thực tại Văn phòng công chứng Hùng Vương.

Sau khi mua thửa đất thì vợ chồng anh có làm thủ tục sang tên đối với thửa đất nêu trên và được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng anh.

Do có nhu cầu sử dụng xây dựng nhà ở trên đất, khi tiến hành việc xây dựng thì được biết trên thửa đất có 01 phần diện tích khu chăn nuôi, chuồng gà của gia đình bà

Nguyễn Thị Hợp xây dựng trên thửa đất của vợ chồng anh. Nhiều lần anh có đề nghị bà Hợp tháo dỡ phần diện tích để trả mặt bằng cho gia đình anh xây dựng nhưng gia đình bà Hợp không tháo dỡ mà có gây khó khăn cho gia đình anh, không cho vợ chồng anh xây dựng nhà ở trên đất. Trước khi mua thửa đất anh biết được nguồn gốc là của anh Nam con bà Hợp, khu chăn nuôi của gia đình anh Nam, do tài sản đó có giá trị thấp nên anh để như vậy, chưa bắt anh Nam tháo dỡ. Vợ chồng anh xác định thửa đất trên là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du buộc gia đình bà Nguyễn Thị Hợp phải tháo dỡ 1 phần diện tích chuồng lợn, khu chăn nuôi, xây dựng trên thửa đất của vợ chồng anh, trả lại mặt bằng để gia đình anh sử dụng.

Ngoài ra, anh Chiến, chị Hải không trình bày gì thêm.

**Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

** Bà Nguyễn Thị Cúc trình bày:*

Chị là con của ông Nguyễn Công Tiệp và bà Nguyễn Thị Tát. Ông Tiệp mất khi các chị còn nhỏ, cụ Tát mất năm 2022; khi chết không để lại di chúc.

Đối với thửa đất mang tên hộ bà Tát là thửa 112, tờ 02, diện tích 439 m^2 được cấp giấy chứng nhận năm 2000, nguồn gốc là vườn và ao, sau đó tất cả thành viên gia đình gồm: chị, chị Việc, anh Thiệp, bà Tát, các anh chị em hộ để tân vườn và ao. Chị được biết nguồn gốc của thửa đất trên là do mẹ chị và anh Thiệp phải đổi ruộng % ngoài đồng để lấy ao, với tỷ lệ 1 thước ngoài đồng thì được 3 thước ao.

Năm 2019 bà Tát tách cho chị 1 phần diện tích là 70 m^2, thửa 1063, tờ bản đồ 13 đứng tên Nguyễn Thị Cúc, chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2000 bà Tát và anh Thiệp đi làm giấy chứng nhận và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp 1 thửa đất mang tên bà Tát và 1 thửa mang tên gia đình anh Thiệp, giữa bà Tát và gia đình anh Thiệp không có văn thoả thuận gì.

Phần của bà Tát hiện nay tách cho chị, chị Việc mỗi người 70 m^2, cho cháu Nam 74 m^2, còn của hộ bà Tát 198 m^2, thửa số 1069, tờ bản đồ 13. Hộ bà Tát năm 2019 gồm có bà Tát, chị, cháu Chiến, chị Nguyễn Thị Hoa. Phần đất có diện tích 198 m^2 không có tài sản gì, hiện nay trồng rau và các chị do không biết nên đã xây dựng sang 1 phần làm khu bếp ăn.

Nay bà Hợp yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất của bà Tát là thửa đất số 112 và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận của hộ bà Tát và của chị, chị Việc, anh Chiến, chị Hải (thửa đất của anh Nam đã bán) chị không đồng ý, đề nghị Toà án bác toàn bộ đơn yêu cầu của bà Hợp.

Trên phần phần diện tích đất được cho năm 2019 chị đã xây dựng 01 ngôi nhà 2 tầng, nguồn tiền là của chị. Chị không có chồng tuy nhiên có 01 con riêng là cháu Nguyễn Canh Chiến, sinh năm 2011, cháu còn nhỏ ở cùng chị, không có công sức gì. Chị đã được Toà án thông báo cho biết kết quả đo đạc, một phần nhà của chị xây dựng, sử dụng ngoài gianh giới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trên thửa đất của bà Tát, một phần đất phía Nam chị sử dụng chưa làm nhà nhưng chưa hết đất. Đối với phần nhà của chị Việc làm ngoài gianh giới giấy chứng nhận, nằm trên đất của bà Tát, chị là hàng thừa kế của bà Tát không có ý kiến yêu cầu gì, sau này các chị sẽ điều chỉnh giấy chứng nhận cho phù hợp. Đối với 1 phần chuồng lợn làm khu phụ, khu chăn nuôi, của bà Hợp nằm trên đất của bà Tát; chị, anh Thiệp, chị Hoa, chị Việc là những người thuộc hàng thừa kế của bà Tát đề nghị bà Hợp phải tự tháo dỡ. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra chị không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

**** Bà Nguyễn Thị Việc trình bày:***

Chị là con của ông Nguyễn Công Tiệp và bà Nguyễn Thị Tát. Bố mẹ chị sinh được 04 người con gồm: Anh Thiệp, chị Cúc, chị Hoa và chị. Ông Tiệp mất khi chị còn nhỏ, bà Tát mất năm 2022; khi chết không để lại di chúc.

Đối với thửa đất mang tên hộ bà Tát là thửa 112, tờ 02, diện tích 439 m^2 được cấp giấy chứng nhận năm 2000, nguồn gốc là vườn và ao, sau tất cả thành viên gia đình chị, Việc, Thiệp, Hợp, bà Tát, các anh chị em hộ để tân vườn và ao. Chị được biết nguồn gốc của thửa đất trên là do bà Tát và anh Thiệp phải đổi ruộng % ngoài đồng để lấy ao, với tỷ lệ 1 thước ngoài đồng thì được 3 thước ao.

Năm 2019 bà Tát tách cho chị 1 phần diện tích là 70 m^2, thửa 1062 tờ bản đồ 13 đứng tên Nguyễn Thị Việc, chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên phần phần diện tích đất được cho năm 2019 chị đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, nguồn tiền là của chị. Chị không có chồng tuy nhiên có 01 con riêng là cháu Nguyễn Thị Kiều Nga, sinh năm 2008, cháu còn nhỏ ở cùng chị không có công sức gì. Chị đã được Toà án thông báo cho biết kết quả đo đạc, một phần nhà của chị xây dựng phía Đông, sử dụng ngoài gianh giới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trên thửa đất của bà Tát. Đối với phần nhà của chị Cúc làm ngoài gianh giới giấy chứng nhận, nằm trên đất của bà Tát, chị là hàng thừa kế của bà Tát không có ý kiến yêu cầu gì, sau này chị và các anh chị em sẽ điều chỉnh giấy chứng nhận cho phù hợp. Đối với 1 phần làm khu phụ, khu chăn nuôi, của bà Hợp nằm trên đất của bà Tát, chị là người thuộc hàng thừa kế của bà Tát đề nghị bà Hợp phải tự tháo dỡ. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Năm 2000 bà Tát và anh Thiệp đi làm giấy chứng nhận và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp 1 thửa mang tên bà Tát 1 thửa mang tên gia đình anh Thiệp, giữa bà Tát và gia đình anh Thiệp có văn thoả thuận gì không thì chị không biết.

Phần của bà Tát hiện nay tách cho chị, bà Cúc, cho cháu Nam 74 m^2, còn của hộ bà Tát 198 m^2, thửa 1069, tờ bản đồ 13. Hộ bà Tát năm 2019 gồm có bà Tát, chị em Cúc, cháu Chiến, chị Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1976.

Nay bà Hợp yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất của bà Tát là thửa 112 và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận của bà Tát và của chị, của chị Cúc, của anh Chiến, chị Hải (thửa đất của anh Nam đã bán) chị không đồng ý, đề nghị Toà án bác toàn bộ đơn yêu cầu của bà Hợp. Trong vụ án này chị không có ý kiến yêu cầu gì.

** Bà Nguyễn Thị Hoa trình bày:*

Chị là con của bà Nguyễn Công Tiệp và bà Nguyễn Thị Tát. Ông Tiệp mất khi chị còn nhỏ, bà Tát mất năm 2022; khi chết không để lại di chúc. Chị nhất trí với ý kiến của chị Cúc, chị Việc, anh Thiệp. Ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu gì.

**Anh Nguyễn Công Nam trình bày:*

Anh nhất trí với ý kiến của mẹ anh là bà Nguyễn Thị Hợp. Đối với thửa đất 112 anh không có công sức gì. Đối với thửa đất số 1070, tờ bản đồ 13, diện tích 74m^2 hiện nay đang đứng tên anh Nguyễn Đắc Chiến và chị Lê Thị Hải có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị Tát là bà nội cho anh, sau đó anh có làm thủ tục sang tên cho mình, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Công Nam vào năm 2019. Sau đó anh có chuyển nhượng thửa đất trên cho chị Nguyễn Thu Hà, sinh năm 1988; thường trú tại: Khu 3, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh năm 2020. Còn chị Hà có chuyển nhượng thửa đất trên cho những ai thì anh không được biết. Anh biết hiện nay thửa đất đang đứng tên anh Nguyễn Đắc Chiến và chị Lê Thị Hải. Hiện nay thửa đất đang tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh không có ý kiến yêu cầu gì.

** Anh Nguyễn Công Phương trình bày:*

Anh là con của ông Nguyễn Công Thiệp và bà Nguyễn Thị Hợp. Anh hiện đang ở trên thửa đất số 111, tờ bản đồ 02, diện tích 372 m^2; được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Công Thiệp năm 2000. Năm 2017-2018 bố mẹ và gia đình anh ký sang tên thửa đất trên cho anh để làm ăn. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên anh đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Khắc Vượng và chị Nguyễn Thị Oanh, ở Ninh Hiệp, Gia Lâm Hà Nội. Còn sau này anh chị bán, tặng cho hay chuyển nhượng cho ai anh không biết, anh chỉ biết hiện nay đứng tên anh Lưu Việt Dũng, 1986, ở Sơn

Trung, Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh. Anh được biết thửa đất nêu trên do ông bà để lại cho sau đó năm 2000 thì hộ gia đình ông Thiệp đứng tên đầu tiên. Trên đất có 01 ngôi nhà 02 nhà tầng do bố mẹ anh làm, anh không có tài sản gì trên đất. Trên đất có em trai anh cùng ở là Nguyễn Công Nam và vợ là Hà Thị Thường ở cùng. Vợ anh là Hà Thị Huệ, sinh năm 1994; không có đóng góp công sức gì trên đất. Trong vụ án này anh không có ý kiến yêu cầu gì.

Đối với thửa đất mang tên bà Tát là thửa 112, tờ 02, diện tích 439 m^2 được cấp giấy chứng nhận năm 2000, trên đất có 1 khu chăn nuôi của bố mẹ anh làm từ khi chưa ly hôn. Anh và anh Nam không có tài sản gì liên quan đến thửa đất của bà Tát. Anh và Nam chỉ có công sức kéo xe, đổ đất ao thành vườn và thửa đất cho bà Tát tuy nhiên anh không có chứng cứ gì chứng minh. Anh được biết nguồn gốc của thửa đất trên là do bố mẹ anh phải đổi ruộng % ngoài đồng là 107 m^2 để lấy ao, với tỷ lệ 1 thước ngoài đồng thì được 3 thước ao. Anh và Nam không có ruộng % chỉ có ruộng của bố mẹ anh. Bà Tát không phải đổi ruộng. Năm 2000 bố anh đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1 thửa mang tên bà Tát 1 thửa mang tên gia đình anh, giữa bà Tát và gia đình anh không có thoả thuận gì về việc hoán đổi đất. Anh đề nghị Toà án xác minh nguồn gốc đất tại thôn và UBND xã. Khi bà Tát tách thửa đất 112, thành 4 thửa thì mẹ anh có biết không đồng ý nhưng không có đơn gửi các cơ quan và cũng do bà Tát có cho em Nam 74 m^2 đất nên gia đình không ai có ý kiến gì.

Nay mẹ anh khởi kiện anh đã biết yêu cầu của mẹ anh, anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của mẹ anh. Ngoài ra anh không có ý kiến yêu cầu gì.

** Ông Nguyễn Đức Tình trình bày:*

Ông là chủ sở hữu của thửa đất số 103, tờ bản đố số 2, theo bản đồ địa chính là thửa số 347, tờ bản đồ số 13 diện tích 546,8 m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Đức Tình. Phần đất phía Nam của hộ bà Nguyễn Thị Tát giáp ranh với thửa đất của gia đình ông. Thực tế phần giáp ranh là ngõ bê tông mấy gia đình đi chung tuy nhiên trên hồ sơ vẫn nằm trên thửa đất của gia đình ông. Hộ gia đình nhà bà Tát có sử dụng sang một phần thửa đất nhà ông, là do gia đình ông bớt đất để làm ngõ đi chung. Khi Tòa án giải quyết tranh chấp giữa các đương sự, ông đề nghị Tòa án phân chia theo hồ sơ Cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các hộ. Trong vụ án này ông không có yêu cầu và đề nghị gì. Ngoài ra ông không có ý kiến yêu cầu gì khác.

** Đại diện UBND huyện Tiên Du trình bày:*

Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND xã, UBND huyện nhận được đơn đăng ký của bà Nguyễn Thị Tát. Tại đơn đăng ký có chữ ký của anh Thiệp là con trai bà Tát và xác

nhận của UBND xã. Trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ thửa đất có xác nhận của chủ hộ, UBND xã , cán bộ địa chính xã. Việc cấp Giấy chứng nhận cũng được Hội đồng cấp xã xét duyệt, công khai đến toàn dân. Căn cứ Luật Đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành - văn bản có hiệu lực tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận, UBND huyện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 112, tờ bản đồ số 2, diện tích 439m^2 theo đúng quy định pháp luật.

Do điều kiện công việc đề nghị được giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử (nếu có).

** Qua xác minh tại địa phương trưởng thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du cung cấp:*

Theo sổ sách lưu trữ tại địa phương (Sổ giao ruộng hợp tác xã nông nghiệp thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo năm 1992) hộ bà Nguyễn Thị Tát có 04 khẩu giao ruộng lâu dài và 04 khẩu giao ruộng phần trăm. Chồng bà Tát là ông Nguyễn Công Tiệp chết năm 1985, đến năm 1992 không còn khẩu giao ruộng, hộ bà tát chỉ còn bà Nguyễn Thị Tát, chị Nguyễn Thị Hoa, chị Nguyễn Thị Cúc và chị Nguyễn Thị Việc được giao ruộng.

Hộ ông Nguyễn Công Thiệp và bà Nguyễn Thị Hợp có 02 khẩu giao ruộng lâu dài và 02 khẩu giao ruộng phần trăm là anh Thiệp và chị Hợp. Năm 1992, tập thể tiến hành giao ruộng lâu dài và giao ruộng phần trăm cho các khẩu trong thôn còn sống đến thời điểm giao ruộng và tiến hành đối trừ cho các hộ gia đình nhận vườn, ao để trừ ruộng ngoài đồng. Hộ bà Nguyễn Thị Tát bị trừ 53 m^2 ruộng ngoài đồng, anh Thiệp và chị Hợp bị trừ 54 m^2 ruộng ngoài đồng. Tổng số 02 nhà phải trừ 107 m^2 ruộng ngoài đồng để được diện tích ao tỷ lệ 1 m^2 ngoài đồng được 3 m^2 ao. Một khẩu được 84 m^2 ruộng phần trăm, việc đổi ruộng lấy ao, vườn trừ vào ruộng, không phân biệt ruộng lâu dài hay ruộng phần trăm.

** Qua xác minh tại địa phương Trưởng xóm Cao 1, thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo cho biết:*

Ông làm trưởng xóm Cao 1, thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo từ năm 2004 đến năm 2009, sau đó làm từ năm 2017, 2018 cho đến nay. Theo sổ giao ruộng lại xóm Cao 1, năm 2003, Hộ ông Nguyễn Công Thiệp và bà Hợp có 2 khẩu % và 02 khẩu 92 (giao ruộng lâu dài) gồm ông Thiệp và bà Hợp, tại các xứ đồng: 5 tấn Đông (2 lúa), diện tích 180 m^2, Bồ Lồ (2 lúa), diện tích 235 m^2, Mả Mồ (2 lúa), diện tích 135 m^2, Quai Xanh (Chuyên màu), diện tích 177 m^2, Đám Mạ (28 m^2), Bái 140 m^2, trong tổng số 1002 m^2 diện tích ruộng được hưởng. Việc đổi 107 m^2 đất ruộng trừ vào đất anh Thiệp và chị Hợp để lấy 429 m^2 đất thửa 112, tờ bản đổ số 2, còn việc gia đình thỏa thuận cho ai

đứng tên thì ông không rõ. Gia đình anh Thiệp, chị Hợp ở trên thửa đất diện tích 372 m^2, tiền thuế dưới 50.000 đồng nên không phải nộp thuế, còn theo sổ thuế đất ở từ năm 2019 đến nay thửa đất 429 m^2 của bà Nguyễn Thị Tát thì do chị Nguyễn Thị Việc nộp thuế cho bà Tát, có năm 48.000 đồng, có năm số tiền là 49.000 đồng. Ngoài ra ông không cung cấp gì thêm.

** Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tiên Du cung cấp:*

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Tát năm 2000 đối với thửa đất 112, tờ bản đồ số 02, với diện tích 439 m^2 đã được cấp đổi GCN theo bản đồ đo đạc địa chính chính quy, được xác định là thửa đất số 1054, tờ bản đồ số 13, diện tích 412 m^2 được tách thành 04 thửa: Tặng cho bà Nguyễn Thị Việc, sinh năm 1971 thửa đất số 1062, tờ bản đồ 13, diện tích 70 m^2; tặng cho bà Nguyễn Thị Cúc, sinh năm 1974, thửa đất số 1063, tờ bản đồ 13, diện tích 70 m^2, bà Nguyễn Thị Tát sử dụng thửa đất số 1069, tờ bản đồ 13, diện tích 198 m^2; tặng cho anh Nguyễn Công Nam thửa đất số 1070, tờ bản đồ 13, diện tích 74 m^2 (hiện thửa đất số 1070, tờ bản đồ 13, diện tích 74m^2 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đắc Chiến và bà Lê Thị Hải).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điều 213 BLDS;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hợp về việc:

- Chia tài sản sau khi ly hôn là thửa đất số 112, tờ bản đồ số 02, diện tích 439 m^2 mang tên bà Nguyễn Thị Tát.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 02, diện tích 439 m^2 mang tên bà Nguyễn Thị Tát và 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay là các thửa đất 1062, tờ bản đồ số 13, diện tích 70 m^2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019 mang tên chị Nguyễn Thị Việc; thửa đất 1063 tờ bản đồ số 13, diện tích 70 m^2 mang tên chị Nguyễn Thị Cúc; thửa đất số 1069 tờ bản đồ số 13, diện tích 198 m^2 được Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Tát; thửa đất số 1070 tờ bản đồ số 13, diện tích 74 m^2 mang tên anh Nguyễn Đắc Chiến và chị Lê Thị Hải.

2. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Đắc Chiến và chị Lê Thị Hải. Công nhận thửa đất số 1070, tờ bản đồ số 13 diện tích 74 m^2 tại thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du là tài sản của vợ chồng anh Chiến, chị Hải. Buộc bà Nguyễn Thị Hợp phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên thửa đất của anh Chiến, chị Hải và trả lại mặt bằng.

3. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hợp phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Hợp yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chia tài sản chung sau khi ly hôn là thửa đất số 112, tờ bản đồ số 02, diện tích 439 m^2 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Tát.

Về công nợ: bà Hợp và ông Thiệp có vay số tiền 120.000.000 đồng của anh Nguyễn Công Đoán, sinh năm 1976 tại thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Công Thiệp phải có nghĩa vụ cùng bà Hợp phải trả số tiền trên cho anh Đoán.

Bà Hợp yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Tát tại thửa đất số 112, tờ bản đồ 02, nay đã được tách thửa và cấp giấy chứng nhận cho chị Cúc, chị Việc, hộ bà Tát và vợ chồng anh Chiến, chị Hải.

Bà Hợp có đơn và nộp tiền án phí theo quy định.

Bị đơn ông Nguyễn Công Thiệp có hộ khẩu thường trú tại thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, căn cứ các Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ngày 4/5/2023, anh Nguyễn Đắc Chiến và chị Nguyễn Thị Hải có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiên Du buộc bà Nguyễn Thị Hợp phải tháo dỡ phần chuồng gà đã xây dựng trên phần đất là thửa đất số 1070, tờ bản đồ số 13, diện tích 74 m^2 được

Sở tài nguyên và môi trường Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Đắc Chiến và chị Lê Thị Hải và trả lại mặt bằng để vợ chồng anh chị xây dựng nhà trên đất, xét thấy yêu cầu của anh Chiến và chị Hải liên quan đến 1 phần thửa đất số 112 của bà Tát đã cho anh Nguyễn Công Nam, anh Nam đã bán, chuyển nhượng qua nhiều người hiện nay đứng tên anh chị. Toà án xác định anh chị có liên quan đến vụ án, anh chị có đơn và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên đã đưa anh chị vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án và thụ lý yêu cầu của anh chị để giải quyết vụ án được triệt để, toàn diện.

Theo đơn khởi kiện bà Hợp yêu cầu buộc ông Thiệp phải cùng bà phải trả số tiền 120.000.000 đồng vay của anh Nguyễn Công Đoán, sinh năm 1976 tại thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du. Sau khi nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hợp, Tòa án đã ra Thông báo số: 196/2023/TB-TA ngày 16/2/2023 về việc "Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện" yêu cầu bà Nguyễn Thị Hợp cung cấp, bổ sung cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến khoản vay đối với số tiền 120.000.000 đồng giữa bà Nguyễn Thị Hợp, ông Nguyễn Công Thiệp với anh Nguyễn Công Đoán tuy nhiên bà Hợp không cung cấp thêm được các tài liệu, nên Tòa án không thụ lý đối với yêu cầu này của bà Hợp. Nay bà Hợp không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Ngày 30/3/2023, ông Thiệp có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm: Thửa đất số số 111, tờ bản đồ 02, diện tích 372 m^2 và 01 căn nhà mái bằng 02 tầng, 01 tum có tổng diện tích 215 m^2 hiện nay bà Hợp và các con đang ở và giải quyết trả lại cho bà Nguyễn Thị Tát 51 m^2 đất. Sau khi nhận được đơn của ông Thiệp, Tòa án đã ra thông báo số: 113A ngày 10/5/2023 về việc "Yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện và cung cấp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện"; sau khi làm việc ông Thiệp đã có đơn tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố trên. Xét việc rút đơn yêu cầu của ông Thiệp là tự nguyện, không bị ép buộc nên Tòa án không xem xét và không thụ lý đối với yêu cầu của ông Thiệp.

- Về tố tụng: Ngày 18/8/2023 Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Công Thiệp và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Cúc, bà Nguyễn Thị Việc, đại diện UBND huyện vắng mặt lần thứ nhất nên Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Tiên Du vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự khác đều có mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị Hợp, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Công Thiệp, sinh năm 1968 có đăng ký kết hôn vào năm 1990, tại UBND xã Minh Đạo, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay là huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Đến năm 2022, ông Nguyễn Công Thiệp có làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiên Du giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Hợp và được Tòa án nhân dân huyện Tiên Du giải quyết cho ly hôn theo bản án số 19/2022/HNGĐ-ST ngày 20/6/2022, sau đó bà Hợp có làm đơn kháng cáo lên cấp phúc thẩm, quá trình giải quyết thì bà Hợp có rút toàn bộ đơn kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bà Hợp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hợp chia tài sản sau khi ly hôn là thửa đất số 112, tờ bản đồ số 02, diện tích 439 m^2 được UBND huyện Tiên Du cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị Tát năm 2000 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 112 và các thửa được tách cho bà Cúc, bà Việc, bà Tát, anh Chiến, chị Hải; HĐXX nhận thấy:

Về nguồn gốc của thửa đất 112, diện tích 439 m^2 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Tát:

Theo bà Hợp trình bày ban đầu là 02 cái ao của hợp tác xã. Đến năm 1992 để đổi được lấy 02 cái ao diện tích 439 m^2 thì bà và ông Thiệp phải đổi 107 m^2 diện tích đất nông nghiệp là ruộng %, khi chia ruộng phần trăm mỗi khẩu được 84 m^2, hai ông bà có 02 khẩu là bà và ông Thiệp được 168 m^2. Bà Tát và các cô con gái đều có ruộng đất nông nghiệp % nhưng không đổi để lấy ao mà chỉ có bà và ông Thiệp phải đổi. Theo ông Thiệp trình bày trước đây bố mẹ ông được chính quyền địa phương cấp diện tích 372 m^2 đất ở nông thôn (sau này là thửa đất 111, tờ bản đồ 02) và hợp tác xã giao quản lý sử dụng 02 cái ao và vườn liền kề với mảnh đất của bố mẹ ông. Năm 1985 bố ông chết, mẹ ông đứng tên mảnh đất này và tiếp tục sử dụng 02 cái ao trên**.** Năm 1990, ông kết hôn với bà Hợp ban đầu sinh hoạt chung với mẹ ông. Năm 1992, vợ chồng ông làm 3 gian nhà cấp 4 diện tích 28 m^2, vợ chồng ra ở riêng còn mẹ và các em ông vẫn ở nhà cũ của bố mẹ ông nhưng vẫn ở cùng trên thửa. Cuối năm 1992, thực hiện chủ trương của HTX được hoán đổi từ ruộng % lấy đất ao cải tạo làm đất ở. Ông bị trừ 54 m^2 còn bà Tát bị trừ 53 m^2 tổng 107 m^2 đất ruộng % hoán đổi được 321 m^2 đất ao. Sau đó ông đề nghị bà Tát cho ông đứng tên và sử dụng thửa đất số 111 của bố mẹ để lại, còn bà Tát xuống ở thửa diện tích 321 m^2, việc vợ chồng ông ở đâu là do bà Tát và nội bộ gia đình ông thống nhất, chỉ bằng miệng và không lập bất kỳ giấy tờ gì, tuy nhiên cả ông và bà Hợp đều thống và đồng ý.

Năm 2000, bà Tát được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 112 tờ bản đồ số 2, diện tích 439 m^2 ông là người kí tên thay mẹ ông trong đơn xin đăng ký

quyền sử dụng đất và tên chủ hộ trong hồ sơ thửa đất. Việc cấp giấy chứng nhận cả gia đình đều biết.

Bà Cúc, bà Hoa, bà Việc là con gái của cụ Tát trình bày nguồn gốc thửa đất 112 diện tích 439 m^2 là vườn và ao do mẹ các bà và ông Thiệp phải đổi ruộng % ngoài đồng để lấy ao với tỷ lệ 1 thước ngoài đồng thì được 3 thước ao.

Tại biên bản làm việc với ông trưởng thôn cho biết: Theo sổ sách Hộ bà Nguyễn Thị Tát bị trừ 53 m^2 ruộng ngoài đồng, anh Thiệp và chị Hợp bị trừ 54 m^2 ruộng ngoài đồng. Tổng số 02 nhà phải trừ 107 m^2 ruộng ngoài đồng để được diện tích ao tỷ lệ 1 m^2 ngoài đồng được 3 m^2 ao. Tại biên bản làm việc trong vụ án ly hôn giữa ông Thiệp và bà Hợp ông trưởng thôn trình bày việc đổi đất chỉ có bà Tát và anh Thiệp phải đổi đất. Ông trưởng xóm cung cấp việc đổi đất ruộng lấy ao là do vợ chồng anh Thiệp đổi, tuy nhiên qua sổ sách theo dõi ruộng còn lại của năm 2003. Bà Hợp cho rằng đổi ruộng nông nghiệp % là ruộng tại xứ Đồng 5 tấn. Tuy nhiên tại xứ đồng này bà và ông Thiệp được chia 168 m^2, nay theo sổ sách ruộng còn lại tại xóm năm 2003 thì bà Hợp vẫn còn 180 m^2 ruộng tại xứ đồng này, lời trình bày của bà Hợp là mâu thuẫn.

Các đương sự, những người liên quan trình bày và cung cấp không có sự thống nhất về việc đổi đất là của ai. Tuy nhiên đến năm 2000, ông Thiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 111, hộ bà Nguyễn Thị Tát được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 112. Việc bà Tát giao cho ông Thiệp sử dụng thửa đất 111 còn bà sử dụng đứng tên thửa đất 112 là việc nội bộ của gia đình bà, không có văn bản giấy tờ gì thể hiện việc đổi đất. Bà Hợp trình bày bà không biết việc gia đình bà Tát đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở do bà Hợp và ông Thiệp được sử dụng thửa đất số 111 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời điểm năm 2000, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt, được niêm yết, công khai tại thôn, xã và một số điểm công cộng tại địa phương, hết thời hạn thì không ai có đơn, thư khiếu nại gì, bà Hợp làm ăn, sinh sống tại địa phương, không đi đâu xa nên không có căn cứ cho rằng bà Hợp không biết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 111 và 112. Mặc dù đơn xin cấp do bà Tát không biết chữ nên anh Thiệp đã đi làm cùng và ký tên thay nhưng thủ cấp là đảm bảo về trình tự theo ý kiến trình bày của UBND huyện Tiên Du nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 111 và 112 là đúng quy định.

Năm 2003 bà và ông Thiệp có xây dựng căn nhà 02 tầng, 01 tum có tổng diện tích 215m^2 trên thửa đất số số 111 và sống ổn định lâu dài từ đó cho đến năm 2022.

Ngày 20/5/2019, thửa đất số 112 đã được cấp đổi GCN theo bản đồ địa chính là thửa số 1054, tờ bản đồ 13, diện tích 412m^2 (giảm 27m^2) mang tên hộ bà Nguyễn Thị Tát. Theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/6/2019 tại Văn phòng Công chứng Hùng Vương hộ bà Tát tặng cho bà Nguyễn Thị Cúc, Nguyễn Thị Việc mỗi bà diện tích đất 70 m^2 được tách ra từ thửa đất gốc số 1054, tờ bản đồ 13, diện tích 412,0m^2), tại thôn Nghĩa Chỉ. Ngày 04/7/2019, Sở TNMT tỉnh Bắc Ninh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Việc thửa đất 1062, tờ bản đồ số 13, diện tích 70 m^2; thửa đất 1063, tờ bản đồ số 13 diện tích 70 m^2 mang tên chị Nguyễn Thị Cúc và thửa đất 1064 tờ bản đồ số 13 diện tích 272 m^2 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Tát.

Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/10/2019 tại Văn phòng Công chứng Hùng Vương hộ bà Tát chuyển nhượng cho anh Nguyễn Công Nam diện tích đất 74 m^2 được tách ra từ thửa đất gốc số 1064, tờ bản đồ 13, diện tích 272,0 m^2), tại thôn Nghĩa Chỉ. Ngày 18/10/2019, Sở TNMT tỉnh Bắc Ninh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Công Nam thửa đất 1070, tờ bản đồ số 13, diện tích 74 m^2 và thửa đất 1069 tờ bản đồ số 13 diện tích 198 m^2 mang tên hộ bà Nguyễn Thị Tát. Đến nay thửa đất số 1070 được cấp GCN mang tên ông Nguyễn Đắc Chiến và bà Lê Thị Hải.

Năm 2019, trên thửa đất số 1062 và 1063, bà Cúc và bà Việc đã xây dựng nhà trên đất, bà Hợp biết và không có ý kiến gì, không có tranh chấp gì. Tại biên bản lấy lời ngày 01/4/2022 của bà Hợp trong vụ án ly hôn thì bà Hợp có trình bày bà biết việc bà Tát cho anh Nam đất khoảng năm 2019 vì bà Tát cho con trai bà nên bà không có ý kiến thắc mắc gì về việc này. Tại phiên toà hôm nay bà Hợp thừa nhận là biết sự việc trên và không có ý kiến gì.

Việc giữa bà Tát cho vợ chồng vợ chồng ông Thiệp và bà Hợp sử dụng thửa đất 111 và bà sử dụng thửa đất 112 là có thật trên thực tế, các gia đình sinh sống ổn định, lâu dài trên các thửa đất không có tranh chấp và ý kiến gì, do đó xác định tài sản chung của vợ chồng ông Thiệp và bà Hợp là thửa đất số 111 và toàn bộ tài sản trên đất. Thửa đất này sau đó vợ chồng ông Thiệp, bà Hợp và cả gia đình ồng ý đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Công Phương là con trai của ông Thiệp và bà Hợp. Toàn bộ sự việc bà Hợp đều là người biết, không có ý kiến gì. Nay thửa đất trên đã chuyển nhượng không còn là tài sản của bà Hợp và ông Thiệp. Yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của bà Hợp đối với thửa đất số 112 là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với các tài sản là các thửa đất hiện mang tên hộ bà Tát, bà Cúc, bà Việc, anh Chiến, chị Hải được hình thành, chuyển nhượng đều là hợp pháp theo quy định do đó, đối với yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 112 của bà Tát đã được

UBND huyện Tiên Du năm 2000 và các thửa đất 1062, 1063, 1069, 1070 là không có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đắc Chiến và chị Lê Thị Hải:

Về nguồn gốc thửa đất số 1070, tờ bản đồ 13, diện tích 74 m^2: Thửa đất trên là 1 phần của thửa đất số 112 của bà Tát, do anh Nam con bà Hợp làm ăn thua lỗ nên đã chuyển nhượng qua nhiều người, nay đứng tên vợ chồng anh Chiến, chị Hải.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/12/2022 tại Văn phòng Công chứng Hùng Vương, chị Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1980 chuyển nhượng cho anh Nguyễn Đắc Chiến, sinh năm 1977 và chị Lê Thị Hải, sinh năm 1981 với giá 300.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng trên đảm bảo quy định của pháp luật. Ngày 16/12/2022, Sở TNMT tỉnh Bắc Ninh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên ông Nguyễn Đắc Chiến và bà Lê Thị Hải. Việc cấp giấy chứng nhận đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đây là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Chiến chị Hải.

Trên diện tích đất của anh Chiến chị Hải có 24 m^2 khu chăn nuôi của gia đình bà Hợp, ông Thiệp xây dựng từ lâu, nay đã mục nát giá trị nhỏ, anh Chiến, chị Hải đã nhiều lần đề nghị bà Hợp tháo dỡ phần diện tích để trả mặt bằng cho anh chị xây dựng nhưng gia đình bà Hợp không tháo dỡ và gây khó khăn cho gia đình anh Chiến chị Hải.

Việc anh Chiến chị Hải yêu cầu gia đình bà Hợp phải tháo dỡ 1 phần diện tích chuồng gà xây dựng là có căn cứ để chấp nhận.

Liên quan trong vụ án này: Đối với việc sử dụng đất của chị Cúc, chị Việc có 01 phần tài sản nằm ngoài ranh giới sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nằm trên đất của bà Tát. Nay những người thuộc hàng thừa kế của bà không có ý kiến yêu cầu gì, các anh chị sẽ tự điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp nên HĐXX không xem xét.

Đối với phần đất 3,9 m^2 và phần tường, giáp thửa đất 1070 của vợ chồng anh Chiến, chị Hải là thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Đức Tình thuộc thửa đất số 103, tờ bản đố số 2, theo bản đồ địa chính hiện nay là thửa số 347, tờ bản đồ số 13, diện tích 546,8m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Đức Tình. Giáp ranh với phần đất phía Nam của thửa 1070 là thửa đất của gia đình ông Tình, tự bỏ ra làm ngõ đi chung. Tuy nhiên trên giấy chứng nhận vẫn thuộc quyền sử dụng của gia đình ông. Khi Tòa án giải quyết tranh chấp giữa các đương sự, ông Tình đề nghị Tòa án phân chia theo hồ sơ Cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các hộ. Qua làm việc với chính quyền địa phương, cán bộ

địa chính cung cấp đúng như lời trình bày của ông Tình vì vậy các đương sự phải sử dụng đúng ranh giới so với quyền sử dụng đất được cấp. Các tài sản trên phần đất 3,9 m^2 các đương sự không yêu cầu, tự tháo dỡ nên HĐXX không xem xét.

Đối với phần khu chăn nuôi bà Hợp xây dựng sang phần đất của bà Tát, những người thuộc hàng thừa kế của bà Tát yêu cầu bà phải tự tháo dỡ, bà Hợp đến nay không có ý kiến yêu cầu gì nên buộc bà phải tự tháo dỡ phần khu chăn nuôi diện tích 15 m^2 xây dựng trên thửa 1069 của bà Tát.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hợp không được chấp nhận nên bà Hợp phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Chiến, chị Hải không phải chịu án phí DSST.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hợp phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản, xác nhận bà Hợp đã nộp đủ số tiền 20.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 33, 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điều 213 BLDS;

Căn cứ vào các Điều 11, 52, 73 Luật đất đai 1993;

Căn cứ vào các Điều 97, 98, 100, 105, 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 217, 235, 262, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hợp về việc yêu cầu Tòa án chia tài sản sau khi ly hôn đối với thửa đất 112, tờ bản đồ 02, diện tích 439 m^2 đã được UBND huyện Tiên Du cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị Tát năm 2000.

2. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Đắc Chiến và chị Lê Thị Hải. Buộc bà Nguyễn Thị Hợp phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên thửa đất số 1070, tờ bản đồ số 13, diện tích 74 m^2 tại thôn Nghĩa Chỉ, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du của vợ chồng anh Chiến, chị Hải.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hợp phải chịu 71.265.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản. Xác nhận bà Hợp đã nộp số tiền 3.750.000 đồng và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST theo biên lai thu số AA/2021/0002375 ngày 24/3/2023 và số AA/2021/0002442 ngày 10/5/2023 tại Chi cục THADS huyện Tiên Du. Trả lại cho anh Nguyễn Đắc Chiến, chị Lê Thị Hải số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST theo biên lai thu số AA/2021/0002441 ngày 10/5/2023 tại Chi cục THADS huyện Tiên Du.

4. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hợp phải chịu 20.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản; xác nhận nguyên đơn bà Hợp đã nộp đủ số tiền trên.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BN;
-VKSND tỉnh, huyện;
-Chi cục THADS huyện;
-UBND xã (phường);
-Các đương sự;
-Lưu HS, VP;

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh